

とも
友だちをさそう/Cách rủ bạn bè

かい せつ 解説/Giải thích

あれに乗ろう。 / Đi cái kia nhé.

う・よう形 / (thể ý chí)

☆さそう言い方です。 / ☆ Đây là cách nói mời rủ người khác.

《動詞の【う・よう形】》を使います。 / Sử dụng <<động từ {thể ý chí} u/you>>.

【う・よう形】の作り方 / Cách biến đổi {thể u/you}

動詞の活用には、3つのグループがあります。 / Động từ được chia thành ba nhóm khi biến đổi hình thái.

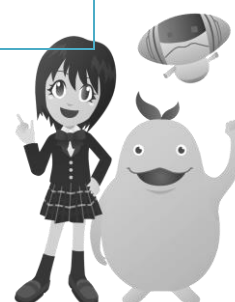
それぞれのグループの【う・よう形】は、つぎのように作ります。 / Cách biến đổi {thể u/you} của từng nhóm như dưới đây

I グループ(五段動詞) / Nhóm I (động từ kết thúc bằng âm u)

ます形 thể masu	う・よう形 thể ý chí
あいます a-imasu	あおう a-o
たちます tach-imasu	たとう tats-o
とります tor-imasu	とろう tor-uo
よびます yob-imasu	よぼう yob-o
のみます nom-imasu	のもう nom-o
しにます shin-imasu	しのう shin-o
かきます kak-imasu	かこう kak-o
いそぎます isog-imasu	いそごう isog-o
はなします hanash-imasu	はなそう hanas-o

II グループ(一般動詞) / Nhóm II (động từ kết thúc bằng âm ru)

ます形 thể masu	う・よう形 thể ý chí
みます mi-masu	みよう mi-yo
おきます oki-masu	おきよう oki-yo
ねます ne-masu	ねよう ne-yo
たべます tabe-masu	たべよう tabe-yo



Ⅲグループ(不規則動詞) / Nhóm III (động từ bất quy tắc)

ます形 けい thể masu		う・よう形 けい thể ý chí	
き(来)ます	ki-masu	こよう	ko-yo
します	shi-masu	する	shi-yo

[例] / [Ví dụ]

映画に^{えいが}行く^いこよう。 / Chúng ta cùng đi xem phim nhé. MP3 23-e01

あした、カラオケ^たし^いようよ。 / Ngày mai cùng đi hát karaoke nhé. MP3 23-e02

いっしょに^た食^くべよう。 / Ăn cùng nhau nhé. MP3 23-e03

ちゃんとゴミひろって^{かえ}帰^{かえ}ろうね。 / Hãy nhặt sạch rác rồi về nhé. MP3 23-e04

ていねいな^い言^{かた}い方^{どうし}では、動詞^{けい}の【ます形】の「ます」を「ましょう」にします。

Trong cách nói lịch sự, đổi "ます" của động từ {thể masu} sang thành "ましょう"

[例] / [Ví dụ]

映画に^{えいが}行^いきま^いしょう。 / Chúng ta đi xem phim nhé. MP3 23-e05

では、そろそろ^{かいぎ}会^{かい}議^ぎを^をは^はじ^じめ^めま^いしょうか。 / Chúng ta sẽ bắt đầu cuộc họp ngay bây giờ chứ? MP3 23-e06

いっしょに^た食^くべま^いしょう。 / Chúng ta sẽ ăn cùng nhau nhé. MP3 23-e07

そんなことを^い言^いうのは^はや^やめ^めま^いしょうよ。 / Chúng ta đừng nói về những điều như vậy nữa nhé. MP3 23-e08



◆第23課 友だちをさそうー遊園地ー [う・よう形]

Bài 23 Cách rủ bạn bè – Khu vui chơi giải trí –



とも
友だちをさそう

例文

もう7時だよ。はやく帰ろう。 [MP3] 23-e09

暑いね。何か冷たいものでも飲もうよ。 [MP3] 23-e10

つぎは、あのジェットコースターに乗ろうか。 [MP3] 23-e11

日曜日、天気だったら、いっしょにテニス进行しよう。 [MP3] 23-e12

間に合わないから、走ろう。 [MP3] 23-e13

新しいゲームソフト買ったんだ。いっしょに遊ぼうよ。 [MP3] 23-e14

あのお寺の前で写真を撮ろうよ。 [MP3] 23-e15

そのことについて、いちどちゃんとみんなで話し合おうよ。 [MP3] 23-e16

春休み、みんなでディズニーランド行こうぜ。 [MP3] 23-e17

おもしろいDVDを借りたんだ。いっしょに見よう。 [MP3] 23-e18

次の東京駅行きのバスに乗りましょう。 [MP3] 23-e19

夏休みに、みんなでキャンプをしましょう。 [MP3] 23-e20

つかれましたね。ちょっとあの木の下で休みましょうか。 [MP3] 23-e21

もういちどははじめから考えてみましょう。 [MP3] 23-e22



Cách rủ bạn bè

Câu ví dụ

Đã 7 giờ rồi đấy. Về nhà nhanh thôi.

MP3 23-e09

Nóng nhỉ. Hãy uống cái gì mát đi.

MP3 23-e10

Lần tới, đi tàu lượn kia nhé.

MP3 23-e11

Chủ nhật, nếu trời đẹp thì cùng chơi ten-nit nhé.

MP3 23-e12

Không kịp rồi, chúng mình chạy nhé.

MP3 23-e13

Mình đã mua phần mềm trò chơi điện tử mới. Cùng chơi nhé.

MP3 23-e14

Cùng chụp ảnh trước ngôi chùa kia nhé.

MP3 23-e15

Về việc đó, mọi người hãy nói chuyện một lần nghiêm túc nhé.

MP3 23-e16

Kỳ nghỉ xuân, tất cả cùng đi Disney Land nhé.

MP3 23-e17

Mình đã mượn DVD rất hay. Cùng xem nhé.

MP3 23-e18

Chúng mình lên chuyến xe buýt tiếp theo đến ga Tokyo nhé.

MP3 23-e19

Hãy cùng nhau cắm trại vào kỳ nghỉ hè nhé.

MP3 23-e20

Mệt thật. Cùng nghỉ dưới gốc cây kia một lát nhé.

MP3 23-e21

Hãy cùng nghĩ lại từ đầu nhé.

MP3 23-e22

